

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 14/8/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng
Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Thu Thủy.
- Bà Trịnh Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Chính - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh huyện I (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Minh T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N-Chi nhánh huyện I (Văn bản ủy quyền lại số 242/NHNo.IP-UQ ngày 04 tháng 8 năm 2023). Có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Đường H, xã K, huyện I, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông **Đinh A**, địa chỉ: Thôn x, xã P, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Đinh H**, địa chỉ: Thôn x, xã P, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông **Đinh B**; địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tại Hợp đồng tín dụng số 987/HĐTD, ngày 18/12/2012 ông Đinh A có ký hợp đồng vay của Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện I (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền gốc cùng với các điều kiện thỏa thuận như sau:

- Tiền gốc: 24.000.000 đồng.
- Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng 13%/năm (có điều chỉnh).
- Lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.
- Mục đích vay: Trồng và chăm sóc mì.
- Thời hạn cho vay là 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18 tháng 12 năm 2013.
- Việc cho vay không có tài sản bảo đảm.

Thực hiện hợp đồng cho vay Ngân hàng đã giải ngân số tiền 24.000.000 đồng cho ông Đinh A vay, tuy nhiên đến nay ông Đinh A chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào.

Như vậy, ông Đinh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, thông báo và yêu cầu ông Đinh A thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Đinh A và vợ là bà Đinh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản như sau:

- Nợ gốc: 24.000.000 đồng.
 - Nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2023) tổng cộng: 38.978.630 đồng, trong đó: lãi trong hạn 3.128.548 đồng và lãi quá hạn 35.850.082 đồng.
- Tổng cộng: **62.978.630** đồng.

* Về phía bị đơn ông Đinh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đinh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc Ngân hàng khởi kiện đòi tiền nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án ông Đinh A và bà Đinh H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, ông Đinh A và bà Đinh H cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa được thực hiện và

đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Đinh A và bà Đinh H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 62.978.630 đồng, trong đó: Nợ gốc 24.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 38.978.630 đồng.

Về án phí: Buộc ông Đinh A và bà Đinh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đinh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đinh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng; khi ký hợp đồng cả ông Đinh A và bà Đinh H đều có nơi cư trú tại Thôn x, xã P, huyện I, tỉnh G nên đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng ngày 18/12/2012, nên cần phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm để giải quyết tranh chấp.

- Về việc triệu tập và xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú và việc vắng mặt của ông Đinh A và bà Đinh H, kết quả thể hiện: Vợ chồng ông Đinh A và bà Đinh H có cư trú tại Thôn

x, xã P, huyện I, tỉnh G. Tuy nhiên, hiện ông Đinh A và bà Đinh H thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Xét thấy trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của người bị kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng. Việc ông Đinh A và bà Đinh H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa, ông Đinh A và bà Đinh H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đinh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đinh H là đúng quy định của pháp luật.

- Về phạm vi giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đinh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông Đinh A và bà Đinh H đều không hợp tác, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập; không trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao, nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 987/HĐTD ngày 18/12/2012 được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N-chi nhánh huyện I với ông Đinh A nhận thấy: Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay Ngân hàng đã giải ngân số tiền 24.000.000 đồng cho ông Đinh A vay theo hợp đồng đã ký kết. Ông Đinh A chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ... trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Hiện khoản nợ gốc nêu trên đã quá hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bên vay không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và điểm c khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó Ngân hàng N yêu cầu ông Đinh A phải thanh toán số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Tại Hợp đồng tín dụng số 987/HĐTD ngày 18/12/2012 thể hiện lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng 13%/năm (có điều chỉnh). Lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau: “*Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng*”. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên, ngoài ra Ngân hàng còn xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất; việc tính lãi theo bảng kê tính lãi là đúng quy định. Do đó Ngân hàng N yêu cầu ông Đinh A phải thanh toán tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2023) là 38.978.630 đồng, trong đó: lãi trong hạn 3.128.548 đồng và lãi quá hạn 35.850.082 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, tuy hợp đồng tín dụng chỉ có ông Đinh A đứng tên ký vay, nhưng mục đích vay tiền là để sử dụng chung trong gia đình và nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình (mục đích trồng và chăm sóc mỳ) nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông Đinh A, bà Đinh H theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Đinh A, bà Đinh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện I tổng số tiền 62.978.630 đồng, trong đó: nợ gốc 24.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2023) là 38.978.630 đồng (trong đó: lãi trong hạn 3.128.548 đồng và lãi quá hạn 35.850.082 đồng).

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trả lại nguyên đơn Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện I số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc

giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Đinh A và bà Đinh H phải trả cho Ngân hàng N (thông qua Chi nhánh huyện I) tổng số tiền **62.978.630** đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng). Trong đó: nợ gốc **24.000.000** đồng (hai mươi bốn triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2023) là **38.978.630** đồng (ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí khác nếu có của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Đinh A và bà Đinh H phải chịu 3.148.931 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm ba mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N (thông qua Chi nhánh huyện I) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.723.000 đồng (một triệu bảy trăm

hai mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000618 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Huyện Ia Pa (03 bản);
- THADS Huyện IaPa;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Văn Thắng